

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH

~~~~~\*~~~~~



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN MÚC VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỀU HƯỚNG

**HUỲNH THỊ QUÝ**

**KHÓA HỌC: 2016 - 2020**

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**  
**KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾ T QUẾ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN MỐI VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ HUẾ**

Sinh viên thực hiện: Huỳnh Thị Quý  
Lớp: K50B Kế toán  
Niên khóa: 2016 - 2020

Giảng viên hướng dẫn:  
Thạc sĩ Hoàng Thùy Dung

Huế, tháng 4 năm 2020



## L I C M N

**Đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô trong Trường Đại học Kinh tế Huế, được biết là quý thầy cô trong Khoa Kế toán – Tài chính trong suốt bốn năm vừa qua đã tận tình chỉ dạy và truyền đạt cho em nhiều kiến thức bổ ích không chỉ về kiến thức chuyên ngành mà còn về các kiến thức xã hội, kinh nghiệm sống.**

**Em cũng xin đặc biệt gửi lời cảm ơn đến giảng viên Thạc sĩ Hoàng Thùy Dung đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ em rất nhiều để em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp một cách tốt nhất.**

**Trong thời gian thực tập, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Phòng Kế toán và Giám đốc của Công ty Cổ phần Phần mềm và Thương mại điện tử Huế - Huesoft đã tạo điều kiện, hướng dẫn, giúp đỡ em trong quá trình tìm hiểu về Công ty và công tác kế toán tại Công ty để em có thể hội nhập làm việc thực tế và hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.**

**Vì kiến thức của bản thân cũng như thời gian còn hạn chế nên bài khóa luận của em chắc hẳn sẽ có những thiếu sót, em rất mong nhận được những góp ý của quý thầy cô và các anh chị tại Phòng Kế toán để em có thể hoàn thiện bài hơn nữa.**

**Em xin chân thành cảm ơn!**

**Huế, ngày 25 tháng 4 năm 2020**

**Sinh viên thực hiện**

**Huỳnh Thị Quý**



**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

Tên viết tắt

Tên đầy đủ

CNTT

Công nghệ thông tin

CTCP

Công ty cổ phần

ĐVT

Đơn vị tính

GTGT

Giá trị gia tăng

TK

Tài khoản

TMĐT

Thương mại điện tử

TNDN

Thu nhập doanh nghiệp

TSCĐ

Tài sản cố định

## DANH MỤC BẢNG

|                                                                                            |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 2.1. Tình hình nhân sự của Công ty từ năm 2017 – 2019.....                            | 33 |
| Bảng 2.2. Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty từ năm 2017 – 2019 .....              | 35 |
| Bảng 2.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ 2017 – 2019 ..... | 37 |

Tailieu.vn

Trường Đại học Kinh tế Huế

**DANH MỤC BÍ U**

|                                                                      |    |
|----------------------------------------------------------------------|----|
| Bí u mẫu 2.1. Ch ng t k toán S BH167 .....                           | 42 |
| Bí u mẫu 2.2. Hóa đ n giá tr gia tăng s 0000382 .....                | 43 |
| Bí u mẫu 2.3. S Cái tài kho n 51131 .....                            | 44 |
| Bí u mẫu 2.4. Ch ng t k toán s BH166.....                            | 46 |
| Bí u mẫu 2.5. Hóa đ n giá tr gia tăng s 0000381 .....                | 47 |
| Bí u mẫu 2.6. S cái tài kho n 51132 .....                            | 48 |
| Bí u mẫu 2.7. Ch ng t k toán s BH155.....                            | 50 |
| Bí u mẫu 2.8. Hóa đ n giá tr gia tăng s 0000367 .....                | 51 |
| Bí u mẫu 2.9. S cái tài kho n 51133.....                             | 52 |
| Bí u mẫu 2.10. Trích S chi t t doanh thu tháng 12 năm 2019 .....     | 53 |
| Bí u mẫu 2.11. B ng phân b chi phí s n xu t, kinh doanh đ dang ..... | 56 |
| Bí u mẫu 2.12. Ch ng t k toán s NVK56.....                           | 57 |
| Bí u mẫu 2.13. S cái tài kho n 632 .....                             | 58 |
| Bí u mẫu 2.14. Trích S chi t t giá v n hàng bán .....                | 59 |
| Bí u mẫu 2.15. Hóa đ n d ch v v n thông (GTGT).....                  | 63 |
| Bí u mẫu 2.16. Phi u chi s PC50 .....                                | 64 |
| Bí u mẫu 2.17. S chi t t tài kho n 6421.....                         | 65 |
| Bí u mẫu 2.18. S Cái tài kho n 6421 .....                            | 66 |
| Bí u mẫu 2.19. Ch ng t k toán s UNC108.....                          | 68 |
| Bí u mẫu 2.20. y nhi m chi.....                                      | 69 |
| Bí u mẫu 2.21. S chi t t tài kho n 6422.....                         | 70 |
| Bí u mẫu 2.22. S cái tài kho n 6422 .....                            | 71 |
| Bí u mẫu 2.23. Ch ng t giao d ch.....                                | 73 |
| Bí u mẫu 2.24. S cái tài kho n 515.....                              | 74 |
| Bí u mẫu 2.25. Ch ng t k toán s UNC112.....                          | 76 |
| Bí u mẫu 2.26. S cái tài kho n 635 .....                             | 77 |
| Bí u mẫu 2.27. S cái tài kho n 911 .....                             | 81 |

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

|                                                                                         |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....                 | 7  |
| Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu .....                           | 8  |
| Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính .....                          | 10 |
| Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính .....                                      | 12 |
| Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên ..... | 15 |
| Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê định kỳ .....           | 16 |
| Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh .....                             | 18 |
| Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác.....                                           | 19 |
| Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán chi phí khác .....                                           | 20 |
| Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí thu mua thu nhập doanh nghiệp .....                 | 22 |
| Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....                            | 24 |
| Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý CTCP niêm yết và Công ty cổ phần .....                  | 28 |
| Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy kế toán CTCP niêm yết và Công ty cổ phần .....                  | 29 |
| Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán máy .....                             | 31 |

**M C L C**

|                                                                                          |            |
|------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>L  i  c  m  n.....</b>                                                                | <b>i</b>   |
| <b>Danh m  c  các ch  vi  t  t.....</b>                                                  | <b>ii</b>  |
| <b>Danh m  c  b  ng.....</b>                                                             | <b>iii</b> |
| <b>Danh m  c  bi  u.....</b>                                                             | <b>iv</b>  |
| <b>Danh m  c  s  đ.....</b>                                                              | <b>v</b>   |
| <b>M  c  l  c.....</b>                                                                   | <b>vi</b>  |
| <b>PH  N I: Đ  T V  N Đ.....</b>                                                         | <b>1</b>   |
| I.1. Lý do ch  n  đ  tài.....                                                            | 1          |
| I.2. M  c  tiêu c  a  đ  tài.....                                                        | 2          |
| I.2.1. M  c  tiêu t  ng  quát:.....                                                      | 2          |
| I.2.2. M  c  tiêu c  th.....                                                             | 2          |
| I.3. Đ  i  t  ng  nghi  n  c  u.....                                                     | 2          |
| I.4. Ph  m  vi  nghi  n  c  u.....                                                       | 2          |
| I.5. Ph  ng  pháp  nghi  n  c  u.....                                                    | 2          |
| I.5.1. Ph  ng  pháp  nghi  n  c  u  s  c  p.....                                         | 2          |
| I.5.2. Ph  ng  pháp  nghi  n  c  u  th  c  p.....                                        | 3          |
| I.6. C  u  trúc c  a  khóa  lu  n.....                                                   | 3          |
| <b>PH  N II: N  I  D  NG  VÀ K  T  QU  NGHI  N  C  U.....</b>                            | <b>4</b>   |
| <b>CH  NG  1: C  S  LÝ  LU  N  V  K  TOÁN  DOANH  THU  VÀ  XÁC  Đ  NH</b>                |            |
| <b>K  T  QU  KINH  DOANH  T  I  DOANH  NGHI  P.....</b>                                  | <b>4</b>   |
| 1.1. Nh  ng  v  n  đ  c  b  n  v  doanh  thu,  xác  đ  nh  k  t  qu  kinh  doanh.....    | 4          |
| 1.1.1. Khái  ni  m  doanh  thu.....                                                      | 4          |
| 1.1.2. Ý  nghĩa  c  a  doanh  thu.....                                                   | 5          |
| 1.1.3. Ý  nghĩa  c  a  xác  đ  nh  k  t  qu  ho  t  đ  ng  s  n  xu  t  kinh  doanh..... | 5          |
| 1.2. K  toán  doanh  thu  bán  hàng  và  cung  c  p  d  ch  v.....                       | 5          |
| 1.2.1. Khái  ni  m.....                                                                  | 5          |
| 1.2.2. Nguyên  t  c  ghi  nh  n  doanh  thu  cung  c  p  d  ch  v.....                   | 6          |
| 1.2.3. Đi  u  ki  n  ghi  nh  n  doanh  thu  cung  c  p  d  ch  v.....                   | 6          |

|                                                                 |    |
|-----------------------------------------------------------------|----|
| 1.2.4. Tài khoản số dư                                          | 6  |
| 1.2.5. Phương pháp hạch toán                                    | 7  |
| 1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu                       | 7  |
| 1.3.1. Khái niệm                                                | 7  |
| 1.3.2. Tài khoản số dư                                          | 8  |
| 1.3.3. Phương pháp hạch toán                                    | 8  |
| 1.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính | 8  |
| 1.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính                    | 8  |
| 1.4.1.1. Khái niệm                                              | 8  |
| 1.4.1.2. Tài khoản số dư                                        | 9  |
| 1.4.1.3. Phương pháp hạch toán:                                 | 9  |
| 1.4.2. Chi phí tài chính                                        | 10 |
| 1.4.2.1. Khái niệm                                              | 10 |
| 1.4.2.2. Tài khoản số dư:                                       | 10 |
| 1.4.2.3. Phương pháp hạch toán                                  | 11 |
| 1.5. Kế toán giá vốn hàng bán                                   | 12 |
| 1.5.1. Khái niệm                                                | 12 |
| 1.5.2. Phương pháp tính giá vốn hàng bán                        | 13 |
| 1.5.2.1. Phương pháp theo đích danh                             | 13 |
| 1.5.2.2. Phương pháp bình quân gia quyền                        | 13 |
| 1.4.2.3. Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)               | 13 |
| 1.5.3. Phương pháp hạch toán                                    | 15 |
| 1.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh                         | 16 |
| 1.6.1. Khái niệm                                                | 16 |
| 1.6.2. Tài khoản số dư                                          | 17 |
| 1.6.3. Phương pháp hạch toán                                    | 17 |
| 1.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác                      | 18 |
| 1.7.1. Kế toán thu nhập khác                                    | 18 |
| 1.7.2. Chi phí khác                                             | 20 |
| 1.8. Kế toán chi phí thu thuế thu nhập doanh nghiệp             | 21 |

|                                                                                             |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 1.8.1. Khái niệm .....                                                                      | 21 |
| 1.8.2. Cách xác định thu nhập doanh nghiệp.....                                             | 21 |
| 1.8.3. Tài khoản sổ đỏ .....                                                                | 21 |
| 1.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....                                              | 22 |
| 1.9.1. Khái niệm .....                                                                      | 22 |
| 1.9.2. Nguyên tắc kế toán xác định kết quả kinh doanh.....                                  | 22 |
| 1.9.3. Xác định kết quả kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ..... | 23 |
| 1.9.4. Phương pháp hạch toán .....                                                          | 24 |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ</b>                           |    |
| <b>TÀI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN MẪM VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ HUỖ</b> .....                         | 25 |
| 2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Phân MẪM và Thương mại điện tử Huỗ. ....                  | 25 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty. ....                                 | 25 |
| 2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty. ....                                                | 27 |
| 2.1.2.1. Chức năng.....                                                                     | 27 |
| 2.1.2.2. Nhiệm vụ .....                                                                     | 27 |
| 2.1.2.3. Lĩnh vực kinh doanh.....                                                           | 27 |
| 2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty. ....                                                     | 28 |
| 2.1.5. Chế độ kế toán áp dụng và hình thức ghi sổ tại Công ty.....                          | 30 |
| 2.1.5.1. Chế độ kế toán áp dụng. ....                                                       | 30 |
| 2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán.....                                                      | 31 |
| 2.1.6. Tình hình nhân sự của Công ty.....                                                   | 32 |
| 2.1.7. Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty. ....                                     | 34 |
| 2.1.8. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. ....                    | 37 |
| 2.2. Thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần        |    |
| Phân MẪM và Thương mại điện tử Huỗ.....                                                     | 38 |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....                                 | 38 |
| 2.2.1.1. Tài khoản sổ đỏ .....                                                              | 39 |
| 2.2.1.2. Chế độ ghi sổ .....                                                                | 40 |
| 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....                                                       | 54 |
| 2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....                                              | 61 |

|                                                                                                                                                                    |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.2.3.1. Tài khoản sổ đỏ                                                                                                                                           | 61        |
| 2.2.3.2. Chứng từ sổ đỏ                                                                                                                                            | 61        |
| 2.2.3.3. Trình tự luân chuyển chứng từ                                                                                                                             | 61        |
| 2.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính và chi phí tài chính                                                                                                 | 72        |
| 2.2.4.1. Kế toán doanh thu và chi phí tài chính                                                                                                                    | 72        |
| 2.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính                                                                                                                                 | 75        |
| 2.2.5. Kế toán thu nhập doanh nghiệp                                                                                                                               | 78        |
| 2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh                                                                                                                         | 78        |
| 2.2.6.1. Tài khoản sổ đỏ                                                                                                                                           | 78        |
| 2.2.6.2. Chứng từ sổ đỏ                                                                                                                                            | 78        |
| 2.2.6.3. Trình tự luân chuyển chứng từ                                                                                                                             | 79        |
| <b>CHƯƠNG 3: MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN MÚM VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ HUẾ</b> | <b>82</b> |
| 3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán tại Công ty.                                                                                                             | 82        |
| 3.1.1. Ưu điểm                                                                                                                                                     | 82        |
| 3.1.2. Nhược điểm                                                                                                                                                  | 83        |
| 3.1.3. Giải pháp                                                                                                                                                   | 84        |
| 3.2. Đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Phân múm và Thương mại điện tử Huế                                | 85        |
| 3.2.1. Ưu điểm                                                                                                                                                     | 85        |
| 3.2.2. Nhược điểm                                                                                                                                                  | 86        |
| 3.2.3. Giải pháp                                                                                                                                                   | 87        |
| <b>PHẦN III. KẾT LUẬN</b>                                                                                                                                          | <b>89</b> |
| III.1. Kết luận                                                                                                                                                    | 89        |
| III.2. Hướng nghiên cứu tiếp theo                                                                                                                                  | 90        |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                                                                 | <b>91</b> |

## PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

### I.1. Lý do chọn đề tài

Hầu hết khi thành lập doanh nghiệp thì các chủ đầu tư đều xem lợi nhuận là vấn đề cần được quan tâm nhất. Mọi mặt doanh nghiệp đều đặt ra cho mình những mục tiêu khác nhau, nhưng suy cho cùng, tất cả những mục tiêu đó đều hướng đến mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Dựa vào kết quả kinh doanh mà các nhà quản lý hay các bên liên quan (Cơ quan Nhà nước, khách hàng,...) có thể đánh giá, phân tích được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không.

Do đó, kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí nói riêng là rất cần thiết trong doanh nghiệp. Doanh thu và chi phí là những khoản mục trọng yếu trên Báo cáo tài chính, phản ánh rõ nhất về tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Qua việc xác định và phân tích các khoản doanh thu cũng như chi phí mà nhà quản lý biết được rằng doanh nghiệp của mình đang hoạt động như thế nào, có đạt được những mục tiêu đã đề ra hay không. Và thế đó, nhà quản lý có thể tìm ra những giải pháp phù hợp nhất, tối ưu nhất để nâng cao, duy trì, phát triển doanh nghiệp của mình hơn.

Sau khi tập hợp được doanh thu và chi phí, kế toán cần phải xác định kết quả cuối cùng đạt được. Để xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác nhất, doanh nghiệp cần phải quản lý tốt và kiểm soát được các khoản doanh thu, chi phí. Xác định kết quả kinh doanh là công việc bắt buộc đối với mọi doanh nghiệp. Nó là thước đo về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở cho những quyết định của doanh nghiệp (và các bên liên quan). Như vậy, kế toán phải cung cấp thông tin một cách đầy đủ, đáng tin cậy về tình hình hiện tại của doanh nghiệp thì việc xác định kết quả kinh doanh mới có ý nghĩa.

Nhìn thấy được tầm quan trọng của vấn đề và muốn tìm hiểu sâu hơn về thực trạng kế toán tại một doanh nghiệp cụ thể nên em đã lựa chọn đề tài **“Thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Phân phối và Thương mại điện tử Huế”** để làm đề tài nghiên cứu thực tập cuối khóa. Qua việc nghiên cứu đề tài tại Công ty, em mong rằng sẽ tìm ra được những giải pháp hữu hiệu giúp nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty.

## I.2. Mục tiêu của đề tài

### I.2.1. Mục tiêu tổng quát:

Nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của CTCP Phân bón và Thương mại điện tử Huế.

### I.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa các số lý luận về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Phân tích và đánh giá thực trạng kế toán doanh thu xác định kết quả kinh doanh tại CTCP Phân bón và Thương mại điện tử Huế.

- Qua việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại CTCP Phân bón và Thương mại điện tử Huế.

## I.3. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại CTCP Phân bón và Thương mại điện tử Huế.

## I.4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Đề tài nghiên cứu xoay quanh nội dung về kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

- Phạm vi số liệu thu thập: Số liệu liên quan đến tình hình tài chính của Công ty được lấy trong vòng 3 năm từ 2017 – 2019. Số liệu về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là năm 2019.

- Phạm vi không gian: Công ty Cổ phần Phân bón và Thương mại điện tử Huế.

## I.5. Phương pháp nghiên cứu

### I.5.1. Phương pháp nghiên cứu sơ cấp

- Phương pháp thu thập tài liệu: sử dụng các chứng từ, Báo cáo tài chính, sổ, ... tại Phòng Kế toán của Công ty; các tài liệu tham khảo từ Internet, sách, ... để làm cơ sở cho việc đánh giá công tác kế toán giữa lý thuyết và thực tế.

- Phương pháp phỏng vấn: trực tiếp hỏi, trao đổi với các nhân viên trong Phòng Kế toán và một số nhân viên tại các phòng khác của Công ty để thu thập các thông tin liên quan đến quy trình kế toán và hệ thống thông tin liên quan đến Công ty.

- Phương pháp quan sát: theo dõi công việc của kế toán, để đó nhận định được thực tế công việc của kế toán có đúng với mô tả hay không.

#### I.5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp so sánh: so sánh số liệu trên Báo cáo tài chính qua ba năm 2017, 2018, 2019 nhằm đánh giá chung về tình hình kinh doanh của Công ty

- Phương pháp phân tích số liệu: trên cơ sở phân tích các số liệu thu thập được để đánh giá về thực trạng công tác kế toán tại Công ty, sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tế tại đơn vị.

- Phương pháp tổng hợp số liệu: Dựa vào những thông tin thu thập được để đưa ra đánh giá và kết luận.

- Phương pháp kế toán: sử dụng hệ thống tài khoản, các chứng từ, sổ sách kế toán để mô tả và quy trình kế toán của thực tế. Đây là phương pháp được sử dụng chủ yếu trong đề tài.

#### I.6. Cấu trúc của khóa luận

Phần I: Giới thiệu

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận và kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Phân bón và Thực phẩm điệt Hồ.

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Phân bón và Thực phẩm điệt Hồ.

Phần III. Kết luận.

## PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾT QUẢ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TÀI DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Những vấn đề cơ bản về doanh thu, xác định kết quả kinh doanh.

Ngày nay, đất nước càng phát triển, nhu cầu của con người càng tăng, vì thế kinh doanh càng trở nên phổ biến, phát triển hơn. Hơn hết, bất kỳ một cá nhân hay tổ chức nào khi tiến hành kinh doanh đều muốn mang lại thu nhập thật cao, hay ít nhất có thể bù đắp được những chi phí mà họ bỏ ra. Vậy doanh thu là gì? Tại sao cần chú trọng trong việc làm tăng doanh thu? Xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa gì?

##### 1.1.1. Khái niệm doanh thu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”.

Cũng theo Chuẩn mực này, “Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hồi bên ngoài không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu (Ví dụ: Khi người nhận đổi lấy thu hồi tiền bán hàng cho đến với khách hàng, thì doanh thu của người nhận đổi lấy chỉ là tiền hoa hồng được hưởng). Các khoản góp vốn của cộng đồng hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu”.

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm doanh thu từ sản xuất kinh doanh (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ) và doanh thu từ hoạt động tài chính.

- ✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các nghiệp vụ phát sinh doanh thu: bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi, bản quyền, cổ tức, đầu tư, mua bán ngoại tệ, chênh lệch khoán,... Tổng giá trị mang về từ các hoạt động này được gọi là doanh thu tài chính.

### 1.1.2. Ý nghĩa của doanh thu.

Doanh thu là thước đo phản ánh rõ quá trình kinh doanh của một doanh nghiệp, thể hiện được việc kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hay không.

Doanh thu là cơ sở để bù đắp các khoản chi phí trong công ty cũng như dùng để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Doanh thu là nguồn tài chính giúp doanh nghiệp có thể hoạt động tiếp tục trong kỳ tiếp theo, giảm bớt chi phí vay ngoài.

Doanh thu càng cao, doanh nghiệp càng chấp nhận được việc của mình trên thị trường.

Để biết được tình hình kinh doanh của công ty như thế nào thì Kế toán doanh thu phải thực hiện tiếp công việc của mình (ghi chép đầy đủ, cung cấp thông tin kịp thời, quản lý chặt chẽ các khoản nợ) mới giúp cho người sử dụng thông tin có những quyết định đúng đắn nhất, hợp nhất, đó là cơ sở giúp cho nhà quản lý có cái nhìn tổng quát nhất về việc kinh doanh của công ty, từ đó có những hướng đi phù hợp.

### 1.1.3. Ý nghĩa của xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh lợi ích giữa chi phí bỏ ra và thu nhập mang về trong kỳ để biết được việc kinh doanh là lãi hay lỗ. Nó là căn cứ quan trọng để công ty quyết định có tiếp tục kinh doanh hay không. Không chỉ thế, xác định kết quả kinh doanh còn ảnh hưởng tới cơ sở sản xuất của một doanh nghiệp. Cũng chính vì đó mà kế toán xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong công tác quản lý và hoạt động kinh doanh. Căn cứ vào các thông tin mà kế toán cung cấp, nhà quản lý có thể biết được sản phẩm nào mang lại lợi nhuận cao, sản phẩm nào gây thất bại cho doanh nghiệp, từ đó có chính sách để doanh nghiệp hoạt động tiếp tục theo.

Đồng thời, việc xác định kết quả kinh doanh cũng là căn cứ để bên thứ ba đánh giá được tình hình của doanh nghiệp và đưa ra những quyết định đúng đắn, tạo cơ hội hợp tác cho cả hai bên.

Tóm lại, kế toán xác định kết quả kinh doanh để biết có ý nghĩa đối với việc phân bổ cho các nhà quản lý trong quá trình quản lý và phát triển doanh nghiệp.

## 1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### 1.2.1. Khái niệm

Theo PGS.TS. Trần Minh Dũng – PGS.TS. Phạm Đức Cường (năm 2018), Kế toán tài chính trong doanh nghiệp, NXB Tài chính, Hà Nội: “Bán hàng là quá trình cuối cùng trong chu kỳ kinh doanh. Thông qua bán hàng mà các giá trị và giá trị sử dụng

của sản phẩm được thể hiện trên thị trường... Quá trình bán hàng được hoàn thành khi quyên số hàng và hàng hoá, dịch vụ đã chuyển từ người bán sang người mua.

Theo Philip Kotler, dịch vụ là bất kỳ hoạt động hay lợi ích nào mà chủ thể này cung cấp cho chủ thể kia, trong đó, đối tượng cung cấp nhất thiết phải mang tính vô hình và không đến đến quyên số hàng mất vật nào cả, còn việc sản xuất dịch vụ có thể hoặc không có thể gắn liền với một sản phẩm vật chất nào.

Như vậy, theo VAS số 14 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng số tiền mà doanh nghiệp thu được hoặc số thu được từ các hoạt động kinh tế phát sinh như: bán hàng, sản phẩm, cung cấp dịch vụ,...”

#### 1.2.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Cơ sở để tính: doanh thu và chi phí được ghi nhận dựa trên nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà không dựa vào thời gian thu hay thời gian chi.

Phù hợp: việc ghi nhận doanh thu phải phù hợp với chi phí.

Thời điểm: doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn và khả năng thu được lợi ích kinh tế.

#### 1.2.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Theo VAS 14, Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện:

- ✓ Doanh thu được xác định bằng đồng tiền chi trả;
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### 1.2.4. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tài khoản dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511:

Bên Nợ:

- + Các khoản thu gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- + Các khoản giảm trừ doanh thu;
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

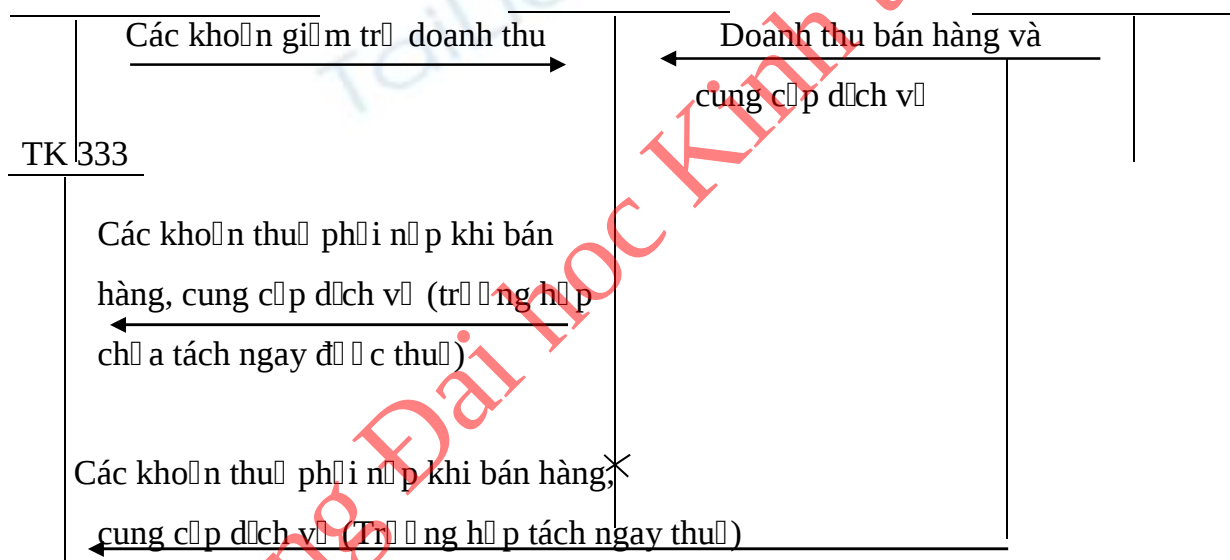
- ✓ Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- ✓ Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- ✓ Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ Tài khoản 5118: Doanh thu khác

#### 1.2.5. Phương pháp hạch toán

TK 111, 112, 131,...

TK 511

TK 111, 112, 131



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

### 1.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### 1.3.1. Khái niệm

Các khái niệm liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu đều được ghi rõ trong VAS số 14 – Doanh thu và thu nhập khác:

“Các khoản giảm trừ doanh thu là tổng hợp các khoản được ghi trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán trả lại.

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn.

Hàng bán bù trừ là giá trị khi lập hàng bán đã xác định là tiêu thụ bán khách hàng trả và tiếp chi thanh toán.

Giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trừ đi theo hợp đồng.

### 1.3.2. Tài khoản số dòng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, các khoản giảm trừ doanh thu sẽ được theo dõi tại TK 511 mà không phải là TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu như Thông tư 200.

\* Kết cấu và nội dung phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu:

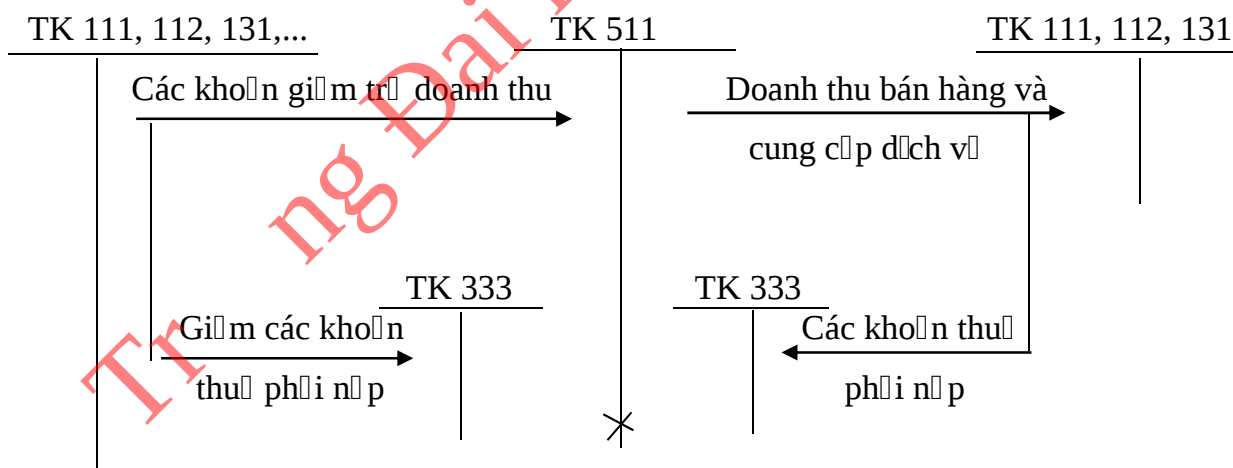
Bên Nợ:

- Phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bù trừ phát sinh trong kỳ.
- Phản ánh doanh thu kết chuyển sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Phản ánh các khoản doanh thu từ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp.

### 1.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

## 1.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

### 1.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

#### 1.4.1.1. Khái niệm

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh vốn.

trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp chủ được nhận khi thanh toán được theo hai điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- ✓ Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu,...
- ✓ Cổ tức lợi nhuận được chia;
- ✓ Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- ✓ Thu nhập từ thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- ✓ Thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác;...

#### 1.4.1.2. Tài khoản sổ đăng

- Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên TK 515 bao gồm các doanh thu được thực hiện trong kỳ, không phân biệt đã thực hiện hay chưa.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 515

Bên Nợ:

- + Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- + Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- + Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

#### 1.4.1.3. Phương pháp hạch toán: